

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2022/DS-PT
Ngày 12-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng
Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 168/2022/DS-PT ngày 05 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 189/2022/QĐ-PT ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: số 272, đường D12, khu phố 1, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Quốc T, sinh năm 1974; địa chỉ: số 283/13, đường T, tổ 55, khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 28/4/2021).

- *Bị đơn:* Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P; địa chỉ trụ sở: tầng 21-22, Tòa nhà Mipeco, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng T1; chức vụ: Chuyên viên Phòng xe cơ giới Công ty Bảo hiểm P Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 25/12/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hồ Hoàng P, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Hồ Phước L, sinh năm 1995; địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông L: Ông Hồ Hoàng P, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 02/11/2021).

3. Công ty Bảo hiểm P Bình Dương; địa chỉ: số 465, đường P, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng T1; chức vụ: Chuyên viên Phòng xe cơ giới Công ty Bảo hiểm P Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 25/12/2021).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Bảo Q – Luật sư của Công ty TNHH Một thành viên L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ: số 249/1 – 249/3, đường Đ, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; địa chỉ trụ sở: số 57, đường K, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: số 264A, khu phố 2, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Minh C; chức vụ: Nhân viên của Ngân hàng TPCP T – Chi nhánh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 17/3/2022).

5. Ông Võ Tấn T2, sinh năm 1981; địa chỉ: số 272, đường D12, khu phố 1, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

6. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ ô tô H; địa chỉ: thửa đất số 311, tờ bản đồ số 62 (D2), đại lộ B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (P).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/12/2021 và quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn ông Trương Quốc T1 trình bày:

Bà Phạm Thị H là chủ sở hữu xe ô tô biển số 61A-803.76 (loại xe 05 chỗ hiệu Honda Civic màu trắng).

Ngày 14/8/2020, bà H ký kết hợp đồng bảo hiểm với Công ty Bảo hiểm P Bình Dương (viết tắt Công ty P Bình Dương) để mua bảo hiểm kết hợp xe ô tô số P-20/BDU/XCG/5106/003393 đối với chiếc xe nêu trên với phí 9.232.000 đồng, bà H đã đóng phí đầy đủ, thời gian có hiệu lực bảo hiểm được tính từ ngày 14/8/2020 đến ngày 14/8/2021, người thụ hưởng duy nhất, đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T – Chi nhánh Đồng Nai vì bà H và chồng là ông Võ Tấn T2 mua xe bằng nguồn vốn vay của ngân hàng. Hiện ông

T2, bà H vẫn đang thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay và hàng tháng vẫn thanh toán tiền cho ngân hàng đầy đủ.

Do có mối quan hệ quen biết nên bà H cho ông Hồ Hoàng P mượn xe ô tô nêu trên, sau đó ông P đã đưa xe cho em ruột là Hồ Phước L điều khiển và xảy ra tai nạn vào lúc 04 giờ 30 phút ngày 26/02/2021 tại đường ĐT 746, ấp Cây Chanh, xã Tân Định, huyện B, tỉnh Bình Dương do tránh người đi ngược chiều, lệch tay lái tông vào trụ điện gây hư hỏng nặng toàn bộ chiếc xe (trên xe tại thời điểm xảy ra tai nạn chỉ một mình ông L). Sau khi xảy ra tai nạn, bà H, ông P, ông L đã thông báo cho Công ty P Bình Dương và Công an huyện B đến hiện trường để giải quyết vụ việc. Sau đó, đại diện của Công ty P Bình Dương và Công an huyện B đã có mặt, đại diện Công ty P Bình Dương hướng dẫn cho bà H, ông P và ông L kéo xe về Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ ô tô H (viết tắt Công ty H) để giám định làm thủ tục bảo hiểm nhưng do chưa xác định được nguyên nhân lỗi của vụ tai nạn nên Công an không cho đưa ô tô về Công ty H mà phải đưa xe về trụ sở Công an huyện B.

Sau khi điều tra, Công an huyện B kết luận nguyên nhân xảy ra tai nạn là ông Hồ Phước L đã điều khiển xe ô tô biển số 61A-803.76 tránh xe đi ngược chiều không đúng quy định gây ra tai nạn giao thông và đã ban hành quyết định hành chính với hình thức phạt tiền 11.000.000 đồng, ông L đã đóng số tiền này theo quy định.

Do vụ tai nạn không có ai bị thương tích nên quá trình làm việc, Công an đã hướng dẫn cho bà H, ông P và ông L làm đơn tự thỏa thuận về chi phí về sửa xe. Do không am hiểu và cũng để lấy được xe từ Công an đưa đến Công ty H giám định để làm thủ tục bảo hiểm nên khi được Công an hướng dẫn thì ngày 05/3/2021 bà H, ông P và ông L mới làm đơn tự thỏa thuận. Nội dung của đơn tự thỏa thuận thì phía bà H chỉ yêu cầu ông P sửa xe và trả lại hiện trạng ban đầu chứ không yêu cầu thêm bất kỳ chi phí nào.

Sau khi các bên làm đơn thỏa thuận xong, bà H, ông P và ông L đã đưa xe đến Công ty H giám định theo như hướng dẫn của Công ty P Bình Dương, sau đó Công ty P Bình Dương cũng đã gửi cho phía bà H thông báo duyệt giá sửa chữa chiếc xe là 217.327.750 đồng. Tuy nhiên, sau đó bà H nhận được Công văn số 19/CV-P/BDU/XCG-2021 ngày 22/4/2021 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (viết tắt Tổng Công ty P) về việc không đồng ý bồi thường do Hằng, ông P, ông L đã tự làm đơn thỏa thuận với nhau nên đã vi phạm điểm 1.3a Điều 15, quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô (Ban hành kèm theo Quyết định số 910/P-QĐ-TGD ngày 17/12/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty P). Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền phí phí sửa chữa xe 217.327.750 đồng (chưa bao gồm thuế VAT), tương đương số tiền 239.060.525 đồng (bao gồm thuế VAT).

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn chi phí sửa chữa xe 217.327.750 đồng là căn cứ vào văn bản duyệt giá của Công ty P Bình Dương gửi cho bà H. Tuy nhiên, đây chỉ là bảng duyệt giá sơ bộ sau khi giám định, còn chi phí sửa chữa cho chiếc xe được Công ty H xuất hóa đơn là

244.581.480 đồng (gồm thuế VAT) nên nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn thanh toán chi phí sửa chữa xe 244.581.480 đồng và số tiền 31.745.022 đồng mà bà H phải thanh toán cho ngân hàng trong thời gian mất thu nhập do đưa xe đi sửa chữa, tổng cộng 276.326.502 đồng.

Ngày 25/3/2022, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 31.745.022 đồng mà bà H phải đóng cho ngân hàng hàng tháng do bị mất thu nhập, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 244.581.480 đồng.

Nguyên đơn xác định, cho đến nay giữa nguyên đơn, ông P, ông L chưa có bất kỳ một sự thỏa thuận nào về chi phí sửa chữa xe, bà H cũng chưa nhận bất kỳ số tiền nào liên quan từ ông P, ông L. Toàn bộ chi phí sửa chữa 244.581.480 đồng là do bà H bỏ ra thanh toán cho Công ty H để lấy xe ra nhằm có phương tiện đi lại, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán chi phí sửa chữa là $\frac{1}{2}$ tổng số tiền 217.327.750 đồng, nguyên đơn không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 01/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P trình bày:

Ngày 14/8/2020, bà Phạm Thị H và Công ty P Bình Dương đã ký kết Hợp đồng Bảo hiểm kết hợp xe ô tô số P-20/BDU/XCG/5106/003393 với đối tượng bảo hiểm là xe ô tô biển kiểm soát 61A-803.76, số khung: MRHFC1650JT030035, số máy: L15B73620924, loại xe: ô tô con, hiệu xe: Honda/Civic, năm sản xuất 2018, số chỗ ngồi: 05. Loại hình bảo hiểm tham gia là bảo hiểm vật chất xe với giá trị xe 746.000.000 đồng (bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng), giá trị tham gia bảo hiểm 746.000.000 đồng (bảy trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Hợp đồng phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chính là hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 26/02/2021, ông Hồ Phước L điều khiển xe ô tô biển số 61A-803.76 lưu thông trên đường ĐT 746, ấp Cây Chanh, xã Tân Định, huyện B, tỉnh Bình Dương tránh xe đi ngược chiều không đúng quy định gây ra tai nạn giao thông. Sau khi xảy ra tai nạn, lái xe Hồ Phước L, ông Hồ Hoàng P và bà Phạm Thị H đã báo ngay cho các cơ quan chức năng, cơ quan bảo hiểm phối hợp giải quyết. Sau đó, phía bà H đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Công ty P Bình Dương làm căn cứ bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ mà phía bà H cũng như Công an huyện B cung cấp thì có đơn thỏa thuận ngày 05/3/2021 được ký kết giữa ông L, ông P và bà H. Trong đơn thỏa thuận có nội dung: *“qua vụ tai nạn giao thông trên, phía bà H là chủ xe ô tô biển số 61A-803.76, ý thức tai nạn giao thông là ngoài ý muốn, không ai bị thương tích gì. Về hư hỏng phương tiện, bà H không yêu cầu chi phí sửa chữa. Chỉ yêu cầu phía ông P sửa xe trả lại hiện trạng ban đầu cho bà H. Phía ông P không yêu cầu ông L là người điều khiển xe ô tô biển số 61A-803.76, trực tiếp gây tai nạn phải bồi thường gì về hư hỏng phương tiện. Các bên cam đoan sẽ không thắc mắc hay khiếu kiện gì về sau liên quan đến vụ tai nạn giao thông trên. Nếu bên nào không thực hiện đúng với nội dung thỏa thuận thì sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật”*.

Việc các bên đã tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba bằng đơn thỏa thuận là vi phạm điểm 1.3a khoản 1 Điều 15 Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô (Ban hành kèm theo Quyết định số 910/P-QĐ-TGD ngày 17/12/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty P) nên Tổng Công ty P áp dụng giảm trừ 100% số tiền bồi thường cho nguyên đơn. Còn thực tế các bên có sự thỏa thuận bồi thường hay chưa thì bị đơn không rõ, bị đơn chỉ căn cứ vào đơn tự thỏa thuận giữa các bên để xác định rằng các bên đã tự thỏa thuận bồi thường nên đã vi phạm quy tắc. Do đó, trường hợp của bà H thuộc trường hợp loại trừ không được hưởng bồi thường nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đồng ý bồi thường $\frac{1}{2}$ trong tổng số tiền 217.327.750 đồng (chưa bao gồm thuế VAT), số tiền 239.060.525 đồng (đã bao gồm thuế VAT) tương đương với số tiền 108.663.875 đồng (chưa bao gồm thuế VAT), chứ bị đơn không đồng ý bồi thường 244.581.480 đồng (đã bao gồm thuế VAT), vì những hạng mục phát sinh thêm (244.581.480 đồng - 239.060.525 đồng) = 5.520.955 đồng thì Công ty H có thông báo bằng điện thoại cho Công ty P Bình Dương nhưng công ty không đồng ý do Tổng Công ty P đã duyệt giá ban đầu là 239.060.525 đồng (đã bao gồm thuế VAT), chính bà H cũng đã nhận được văn bản duyệt giá ban đầu với số tiền 239.060.525 đồng, nhưng không có ý kiến và căn cứ vào văn bản duyệt giá này để khởi kiện, nên chi phí phát sinh thêm, nguyên đơn phải tự chịu. Việc nguyên đơn có đơn rút yêu cầu đối với số tiền 31.745.022 đồng, bị đơn thống nhất, không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hoàng P, ông Hồ Phước L trình bày:

Ông P, ông L thống nhất trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông P, ông L xác định, việc các bên ký vào đơn thỏa thuận ngày 05/3/2021 là do Công an hướng dẫn, lấy được xe ra đi giám định thiệt hại để làm thủ tục bảo hiểm nên các bên mới làm đơn thỏa thuận. Trong đơn thỏa thuận, bà H chỉ yêu cầu sửa chữa lại chiếc xe như hiện trạng ban đầu chứ hoàn toàn không thể hiện các bên đã bồi thường chi phí và cho đến nay ông P, ông L cũng chưa bồi thường cho bà H bất kỳ số tiền nào. Hiện nay, toàn bộ chi phí sửa chữa xe 244.581.480 đồng do bà H bỏ ra thanh toán cho Công ty H nhằm để lấy xe ra có phương tiện để lại. Do đó, ông P, ông L không đồng ý với mức bồi thường của bị đơn 108.663.875 đồng mà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 31.745.022 đồng, ông P, ông L thống nhất, không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Bảo hiểm P Bình Dương trình bày: Thống nhất trình bày của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Tấn T2 trình bày:

Ông T2 là chồng của bà Phạm Thị H, chiếc xe ô tô biển số 61A-803.76 do bà H đứng tên là tài sản chung của ông T2, bà H. Việc bị đơn từ chối bảo hiểm là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T2, bà H và ông Tâm thống nhất trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần T:

Ngày 24/8/2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T – Chi nhánh Đồng Nai với bà Phạm Thị H, ông Võ Tấn T2 đã ký kết Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 323/2020/HĐTD/TTKD.BHA/01 để vay số tiền 520.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân 9,4%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần, mục đích vay bù đắp vốn tự có mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại của chính khách hàng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là xe ô tô biển số 61A-803.76, số khung: MRHFC1650JT030035, số máy: L15B73620924, loại xe: ô tô con, hiệu xe: Honda/Civic. Cho đến nay, bà H, ông T2 vẫn đang thế chấp chiếc xe trên cho ngân hàng và thanh toán đầy đủ tiền cho ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngân hàng không có ý kiến và đồng ý việc bà H là người thụ hưởng số tiền bảo hiểm trên, đồng thời có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ ô tô H trình bày:

Công ty H có tiến hành sửa chữa chiếc xe ô tô biển số 61A-803.76 mang tên bà Phạm Thị H do bị tai nạn. Sau khi giám định, Tổng Công ty P đã duyệt giá ban đầu là 239.060.525 đồng (đã bao gồm thuế VAT) nhưng sau đó do có những hạng mục cần phải sửa chữa phát sinh thêm chi phí 5.520.955 đồng, công ty đã báo cho Công ty P Bình Dương bằng điện thoại nhưng Công ty P Bình Dương không đồng ý vì Công ty P Bình Dương cho rằng Tổng Công ty P đã duyệt giá ban đầu là 239.060.525 đồng. Tuy nhiên, do yêu cầu của khách hàng bà H yêu cầu sửa chữa thì công ty đã sửa chữa với tổng chi phí 244.581.480 đồng, hiện bà H đã thanh toán toàn bộ số tiền sửa chữa 244.581.480 đồng và đã lấy xe về sử dụng. Công ty không có ý kiến gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn thanh toán chi phí sửa chữa xe 244.581.480 đồng, rút yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 31.745.022 đồng.

Bị đơn thừa nhận toàn bộ nội dung hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số HĐ: P-20/BDU/XCG/5106/003393 ngày 14/8/2020 giữa hai bên là tự nguyện, thống nhất diễn biến sự việc ngày 26/02/2021, thống nhất số tiền duyệt giá sửa chữa xe 61A-803.76 và đồng ý duyệt giá là 217.327.750 đồng (chưa gồm thuế VAT), đồng ý bồi thường 50% trên tổng số tiền 217.327.750 đồng tương đương 108.663.875 ồng (chưa gồm thuế VAT), không đồng ý bồi thường số tiền 244.581.480 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 40; các Điều 5, 91, 92, 147, 157, 227, 228, 244, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 13, 28, 29 và Điều 30 Luật

Kinh doanh bảo hiểm; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P về số tiền 31.745.022 đồng (ba mươi một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm hai mươi hai đồng) mà bà H phải đóng tiền ngân hàng hàng tháng do bị mất thu nhập trong thời gian đưa xe đi sửa chữa.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc “tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P.

Buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền chi phí sửa chữa xe 239.060.525 đồng (hai trăm ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng), (đã bao gồm VAT).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P về số tiền chi phí sửa chữa phát sinh thêm 5.520.955 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 26/5/2022 bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (P) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm đối với phần buộc bị đơn phải bồi thường số tiền 217.327.750 đồng, yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P Bình Dương:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Dân sự và hợp đồng bảo hiểm thì khi tai nạn xảy ra thì các bên đã thực hiện xong các thỏa thuận. Nguyên đơn cho rằng chỉ thỏa thuận để lấy xe ra để đi sửa và bảo hiểm chỉ trả chi phí sửa xe là không phù hợp, bởi vì khi xảy ra tai nạn thì ông L, ông P nhận thấy trách nhiệm của mình nên đã đồng ý bồi thường. Khi bà H liên hệ với công ty thì công ty đã làm đầy đủ các bước để lập hồ sơ để trình cho các bên duyệt nhưng do các bên đã thỏa thuận bồi thường nên quy phạm quy tắc bảo hiểm, do đó, công ty không đồng ý bồi

thường. Tòa án sơ thẩm căn cứ chi phí sửa xe của Công ty H báo giá là bất hợp lý. Đề nghị sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn cho rằng phía bà H cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của P Bình Dương làm căn cứ bảo hiểm nhưng căn cứ vào Đơn thỏa thuận ngày 05/3/2021 là hai bên đã tự thỏa thuận với nhau, ông P đưa xe đi sửa chữa và trả lại hiện trạng ban đầu là nguyên đơn đã vi phạm điểm 1.3a khoản 1 Điều 15 Quy tắc bảo hiểm kết hợp xe ô tô ban hành kèm theo Quyết định số 910/P-QĐ-TGD ngày 17/12/2018 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm P cụ thể “chủ xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho P... hoặc tự ý thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho P” nên P giảm trừ 100% chi phí bồi thường. Bị đơn không có chứng cứ để chứng minh là sau khi ký thỏa thuận ngày 05/3/2021 thì giữa bà H, ông P và ông L thực hiện thỏa thuận trong khi bà H, ông P và ông L xác định chưa thực hiện thỏa thuận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định phía nguyên đơn không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại Điều 11 Quy tắc 910 và Điều 10 Quy tắc 304. Bị đơn không chứng minh việc bà H thỏa thuận với ông P, ông L gây thiệt hại như thế nào cho P. Nếu như có sự thỏa thuận hay không thỏa thuận, việc thực hiện hay chưa thực hiện thỏa thuận cũng không gây thiệt hại gì cho P theo quy định tại điểm 1.3a Điều 15 Quy tắc 910. Từ những phân tích nêu trên, bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền bảo hiểm 217.327.750 (chưa VAT) cho bà H theo thông báo chi phí khắc phục sửa chữa. Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần T, Công ty H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định không kháng cáo phần quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 31.745.022 đồng và **không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền chi phí sửa chữa phát sinh thêm là 5.520.955 đồng; đã hết thời hạn kháng cáo kháng**

ngiht theo quy định pháp luật, nên các phần quyết định này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn, bị đơn **thống nhất thừa nhận** ngày 14/8/2020 bà Phạm Thị H và Công ty Bảo hiểm P Bình Dương đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm số P-20/BDU/XCG/5106/003393 ngày 14/8/2020 để bảo hiểm xe biển số 61A-803.76, số khung: MRHFC1650JT030035, số máy: L15B73620924, loại xe: ô tô con, hiệu xe: Honda/Civic với phí 9.232.000 đồng, người thụ hưởng duy nhất, đầu tiên của hợp đồng là ngân hàng. Việc hai bên ký kết hợp đồng bảo hiểm **là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 12, 13 Luật Kinh doanh bảo hiểm nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.**

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận toàn bộ nội dung tại hợp đồng bảo hiểm, thống nhất diễn biến, nguyên nhân vụ tai nạn ngày 26/02/2021, thống nhất số tiền duyệt giá sửa chữa xe biển số 61A-803.76 mà Công ty P đã xem xét và đồng ý duyệt giá là 217.327.750 đồng (chưa gồm VAT), đồng thời xác định sau tai nạn bà H, ông L, ông P đã thông báo, thực hiện theo đúng yêu cầu và cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu cho Công ty Bảo hiểm P Bình Dương để làm căn cứ bảo hiểm nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Bị đơn kháng cáo cho rằng, bà H, ông P, bà Lộc có đơn thỏa thuận ngày 05/3/2021, là hai bên đã tự thỏa thuận với nhau, ông P đưa xe đi sửa chữa và trả lại hiện trạng ban đầu là nguyên đơn đã vi phạm điểm a, mục 1.3 Điều 15 của Quyết định số 910/P-QĐ-TGD ngày 17/12/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty P: *“chủ xe không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho P kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết, không hợp tác với P để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho P”*, nên P giảm trừ 100% chi phí bồi thường, còn thực tế giữa bà H, ông L và ông P có sự bồi thường nào hay không thì bị đơn không rõ và cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh là giữa hai bên đã có sự bồi thường.

Xét thấy: Qua xem xét giấy thỏa thuận ngày 05/3/2021 thì bà Phạm Thị H, ông Hồ Hoàng P và ông Hồ Phúc Lộc có ký tên vào đơn thỏa thuận nhưng trong toàn bộ nội dung của đơn thỏa thuận không thể hiện việc bồi thường nào giữa các bên mà chỉ thể hiện là bà H yêu cầu ông P đưa xe đi sửa chữa, trả lại hiện trạng như ban đầu cho bà H. Đại diện nguyên đơn cũng như ông P khai rằng việc các bên ký tên vào đơn thỏa thuận là theo sự hướng dẫn của cơ quan Công an. Do không am hiểu và nghĩ để được lấy xe ra đi giám định nhằm làm thủ tục bảo hiểm nên các bên mới ký vào đơn thỏa thuận chứ thực tế không có việc bồi thường nào giữa hai bên. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn cho rằng bà H, ông P, ông L đã làm đơn tự thỏa thuận với nhau về việc bồi thường là vi phạm quy tắc nên đã loại trừ trách nhiệm bồi thường, nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh là giữa bà H, ông P đã có sự thỏa thuận bồi thường và sự thỏa thuận này làm Tổng Công ty P bị thiệt hại theo điểm a, mục 1.3 Điều

15 của Quyết định số 910/P-QĐ-TGD ngày 17/12/2018, nên không có cơ sở cho rằng nguyên đơn vi phạm quy tắc của hợp đồng bảo hiểm.

Đối với chi phí sửa chữa xe 217.327.750 đồng (chưa bao gồm thuế VAT), số tiền 239.060.525 đồng (đã bao gồm thuế VAT), thì bị đơn đã thống nhất duyệt giá 217.327.750 đồng (chưa bao gồm thuế VAT). Ngân hàng TMCP T – Chi nhánh Đồng Nai đồng ý bà H là người thụ hưởng số tiền bảo hiểm trên. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán số tiền chi phí sửa chữa xe 239.060.525 đồng (đã bao gồm thuế VAT), là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P Bình Dương là không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (P).

1.1. Giữ nguyên một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, cụ thể:

1.1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H về việc “tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P.

Buộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền chi phí sửa chữa xe 239.060.525 đồng (hai trăm ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) (đã bao gồm thuế VAT).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P phải chịu số tiền 11.953.000 đồng (mười một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Bà Phạm Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền 5.133.000 đồng (năm triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0051478 ngày 19/5/2021 và số tiền 1.472.000 đồng (một triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000930 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tổng cộng 6.605.000 đồng (sáu triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

1.2. Một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, đã có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

1.2.1. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P về số tiền 31.745.022 đồng (ba mươi một triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm hai mươi hai đồng) mà bà H phải đóng tiền ngân hàng hàng tháng do bị mất thu nhập trong thời gian đưa xe đi sửa chữa.

1.2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P về số tiền chi phí sửa chữa phát sinh thêm 5.520.955 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm P (P) phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001412 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

Nguyễn Thị Duyên Hằng